

Số: 112/2014/NQ-HĐND

Pleiku, ngày 11 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 8
(Từ ngày 08/12 đến ngày 11/12/2014)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội về
phát hành và phân bổ vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính
phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính
phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính
phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ
nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của
Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình
hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính
phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu
vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và 2015;

Căn cứ Quyết định 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ
về việc giao vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 thực hiện Chương trình mục tiêu
quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC
ngày 02/12/2013 của liên bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Kế hoạch và
Đầu tư - Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư Liên tịch số
26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC về hướng dẫn một số nội dung thực
hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4677/TTr-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 520/QĐ-
UBND ngày 02/11/2012 của UBND tỉnh về quy định mức hỗ trợ vốn thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; Báo

cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu tại Kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khoá X,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (áp dụng từ năm 2015-2017) như sau:

1. Nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn đầu tư phát triển:

Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (gồm: Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh, huyện, xã). Phần còn lại được huy động từ các nguồn vốn khác (doanh nghiệp, tín dụng, tự nguyện đóng góp của nhân dân, v.v.).

2. Mức hỗ trợ đầu tư phát triển:

Được tính bằng tỷ lệ % tổng dự toán công trình được đầu tư. Tùy theo ngân sách nhà nước hàng năm để xem xét, hỗ trợ cho từng hạng mục công trình.

(Cụ thể có biểu quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ năm 2015-2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai kèm theo Nghị quyết này).

3. Đối tượng được hưởng mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước:

a. Đối tượng 1: Các xã của các huyện theo Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội khóa XIII; Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Đối tượng 2: Các xã còn lại của các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; VPQH;
- Ban Công tác đại biểu;
- Thủ tướng CP; VPCP;
- Bộ Tài chính; BKHDĐT; BNNPTNT;
- TT Tỉnh ủy; VP Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh (đăng công báo);
- Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- CV Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT-CTHD

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Thu



BIỂU QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2015-2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh)

TT	Hạng mục công trình	Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật	Đối tượng 1: Các xã của các huyện theo Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội khóa XIII; quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ		Đối tượng 2: Các xã còn lại của các huyện, thị xã, thành phố		Ghi chú
			NSNN hỗ trợ (TW, tỉnh, huyện, xã)	Huy động các nguồn vốn khác (nhân dân, doanh nghiệp đóng góp)	NSNN hỗ trợ (TW, tỉnh, huyện, xã)	Huy động các nguồn vốn khác (nhân dân, doanh nghiệp đóng góp)	
I	Giao thông	(Theo Hướng dẫn số 951/SGTVT-TCT ngày 27/7/2011 của Sở Giao thông - Vận tải)					
1 a	Đường trục xã	Đường cấp AHMN: Là đường nối trung tâm hành chính xã với các thôn, làng	100%	0%	100%	0%	
1 b	Đường trục thôn, xóm	Đường cấp A: Là đường nối giữa các thôn, làng đến các xóm	80%	20%	70%	30%	
1 c	Đường trục chính nội đồng (bờ vùng)	Đường cấp B: Là đường nối từ vùng đồng ruộng, nương rẫy đến khu dân cư	70%	30%	50%	50%	Nếu có DN vào trong QH vùng nguyên liệu nông sản để thu mua, thì DN đóng góp từ 15% trở lên
2	Kênh mương nội đồng	Kênh hộp chữ nhật bằng BTCT, kích thước kênh: Bkênh x hkênh = (0,4x0,6)m, M150-200 (tùy theo điều kiện thực tế, UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định quy cách cho phù hợp)	90%	10%	80%	20%	

3	Trường học	Đạt chuẩn quốc gia theo quy chế công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo								
3.a	Trường THCS	Đạt chuẩn quốc gia	100%	0%	100%	0%	0%			
3.b	Trường tiểu học	Đạt chuẩn quốc gia	100%	0%	100%	0%	0%			
3.c	Trường mầm non	Đạt chuẩn quốc gia	100%	0%	100%	0%	0%			Chỉ áp dụng đối với trường mầm non công lập
4	Trạm y tế xã	Đạt tiêu chí quốc gia theo quy định của Bộ Y tế tại QĐ số 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011	100%	0%	100%	0%	0%			
5	Nhà văn hóa									
5.a	Nhà văn hóa xã	Diện tích đất: 2000-3000m ²	100%	0%	100%	0%	0%			Diện tích đất là diện tích khuôn viên, hàng rào
5.b	Nhà văn hóa thôn, làng	Diện tích đất: 300m ²	90%	10%	70%	30%	30%			Nhà sinh hoạt cộng đồng
5.c	Công trình thể thao thôn, làng	Sân bóng chuyền, bóng đá: diện tích đất: 8000-12000m ² chi tiêu đất 2-3m ² /người	50%	50%	20%	80%	80%			
6	Công trình cấp nước sinh hoạt									
6.a	Công trình cấp nước tập trung		90%	10%	80%	20%	20%			
6.b	Công trình cấp nước phân tán (giếng khoan, giếng đào)		70%	30%	50%	50%	50%			
6.c	Thoát nước thải khu dân cư		50%	50%	0%	100%	100%			
7	Hạ tầng khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản		50%	50%	30%	70%	70%			
8	Chợ nông thôn		0%	100%	0%	100%	100%			Xã hội hóa, nhân dân và doanh nghiệp đầu tư